

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh SL tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cẩm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2023/TLST-HNGĐ ngày 20-7-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17-8-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05-9-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08-9-2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tần Thị D, sinh năm 2001.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn D, sinh năm 2000.

Đều trú tại: Bản M, xã CP, huyện TC, tỉnh SL.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Tần Thị D trình bày:

Chị Tần Thị D và anh Lò Văn D kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2021 tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến

nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Lò Văn D.

Về con chung: Chị Tần Thị D và anh Lò Văn D có 01 con chung là cháu Lò Văn K, sinh ngày 29/01/2020. Hiện tại cháu đang sống cùng gia đình anh Lò Văn D.

Chị D đề nghị giao cháu Lò Văn K cho anh Lò Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị D cam đoan không có nợ chung.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Tần Thị D trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tình cảm: Chị Tần Thị D giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lò Văn D.

Về con chung: Chị Tần Thị D đề nghị giao cháu Lò Văn K, sinh ngày 29/01/2020 cho anh Lò Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 600.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị D trình bày về công việc hiện tại làm thuê cho công ty may mặc ở tỉnh Vĩnh Phúc không có hợp đồng làm việc, thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng/tháng không ổn định, nơi ở thuê trọ nên mức cấp dưỡng 600.000 đồng/tháng là phù hợp với hoàn cảnh sống của chị D và điều kiện nuôi con của anh D.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Chị D là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên chị D xin miễn án phí.

Đối với bị đơn anh Lò Văn D: Tòa án đã tiến hành triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Lò Văn D để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Lò Văn D vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 26/7/2023: Kể từ khi kết hôn vợ chồng anh Lò Văn D và chị Tần Thị D chung sống tại bản M, xã CP,

huyện TC, tỉnh SL. Quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được. Hiện tại anh D, chị D đã sống ly thân. Vợ chồng anh D, chị D có 01 con chung hiện tại đang sống cùng anh Lò Văn D và ông bà nội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tần Thị D được ly hôn anh Lò Văn D.

Về con chung: Giao cháu Lò Văn K, sinh ngày 29/01/2020 cho anh Lò Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Tần Thị D phải cấp dưỡng nuôi con chung là 600.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2023 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng cho chị Tần Thị D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tần Thị D yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn D có nơi cư trú tại bản M, xã CP, huyện TC, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Tần Thị D vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Lò Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tần Thị D và anh Lò Văn D kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2021 tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng anh D và chị D chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D và chị D đã sống ly thân từ tháng 4/2022, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị D yêu cầu ly hôn anh Lò Văn D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tần Thị D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do vợ chồng không thể hòa giải được, đến ngày mở phiên tòa chị D vẫn kiên quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Lò Văn D để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh D vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị D và anh D không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân được một thời gian không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Tần Thị D ly hôn với anh Lò Văn D.

[3] Về con chung: Chị Tần Thị D và anh Lò Văn D có 01 con chung là cháu Lò Văn K, sinh ngày 29/01/2020. Hiện tại cháu Lò Văn K đang sống cùng gia đình anh Lò Văn D.

Chị Tần Thị D đề nghị giao cháu Lò Văn K cho anh Lò Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Xét thấy: Anh Lò Văn D có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Chị Tần Thị D đi làm thuê ở xa nhà, nơi ở, công việc và thu nhập không ổn định. Cháu Lò Văn K đã trên 36 tháng tuổi. Trong thời gian chị D và anh D sống ly thân, anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lò Văn K, đảm bảo

được mọi điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần và học hành cho cháu Lò Văn K. Do đó, cần giao cháu Lò Văn K cho anh Lò Văn D được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tần Thị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 600.000 đồng/tháng cho cháu Lò Văn K. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2023 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Chị D cam đoan không có nợ chung.

[8] Về án phí: Chị Tần Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng cho chị Tần Thị D. Căn cứ Điều 24; khoản 5, khoản 6 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24; khoản 5, khoản 6 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tần Thị D được ly hôn anh Lò Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Văn K, sinh ngày 29/01/2020 cho anh Lò Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tần Thị D phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 600.000 đồng/tháng (Sáu trăm nghìn đồng mỗi tháng) cho cháu Lò Văn K. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2023 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị D cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng cho chị Tần Thị D. Hoàn trả lại chị Tần Thị D số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh SL theo biên lai thu số: AA/2021/0003442, ngày 20/7/2023.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Tần Thị D, anh Lò Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CP, huyện TC, tỉnh SL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Nghĩa